

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện trình tại kỳ họp thứ 8, khóa XII nhiệm kỳ 2021-2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và được sự phân công của thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Ban Kinh tế - Xã hội (KT-XH) tiến hành tổ chức Hội nghị thẩm tra các báo cáo, tờ trình và dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội trình kỳ họp thứ 8, khóa XII. Trên cơ sở thảo luận, ý kiến của các thành viên Ban, Ban KT-XH báo cáo kết quả thẩm tra các nội dung như sau:

I. VỀ CÁC BÁO CÁO CỦA UBND HUYỆN

1. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2022.

1.1 Về kết quả đạt được

Sau khi nghiên cứu Báo cáo số 307/BC-UBND ngày 06/12/2022 của UBND huyện về tình hình kinh tế - xã hội năm 2022. Ban thống nhất nội dung báo cáo và có một số nhận định sau:

Năm 2022 là năm thứ hai triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ XII (2020 - 2025), Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025. UBND huyện triển khai hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện theo Nghị quyết của Huyện ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện. Sau đại dịch Covid-19 được khống chế, đời sống tinh thần, sinh hoạt người dân được ổn định, hoạt động sản xuất kinh doanh được phục hồi, tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện đạt được một số kết quả đáng kể:

Tổng sản phẩm GRDP địa phương ước tăng hơn 7% (theo giá hiện hành); GRDP bình quân đầu người ước đạt 58,79 triệu đồng, trong đó:

- Nông nghiệp: gieo trồng 56.779 ha lúa đạt 103,36% kế hoạch, năng suất bình quân 6,82 tấn/ha, lợi nhuận bình quân 20-25 triệu đồng/ha, lúa đặc sản 25-30 triệu đồng. Các mô hình triển khai từ nguồn vốn nông - lâm - thủy cũng phát triển. Công tác kiểm soát giết mổ mua bán vận chuyển gia súc gia cầm được kiểm dịch đảm bảo an toàn. Tổng đàn gia súc 72.574 con, đàn gia cầm 2.000.050 con tăng so cùng kỳ, các dự án chăn nuôi bò thịt bò giống cũng được quan tâm. Công tác nuôi trồng thủy sản 15.700 tấn. Công tác thủy lợi nội đồng cũng phát huy được hiệu quả, toàn huyện có 67 khu khép kín hơn 4.669ha với 67 trạm bơm điện và 13 trạm bơm dầu phục vụ điều tiết nước cho sản xuất nông nghiệp. Duy trì phát triển kinh tế hợp tác, thành lập mới thêm 01 HTX củng cố kiện toàn 10 HTX, các HTX đều có liên kết được với các tổ chức tập đoàn kinh tế. Về xây dựng nông thôn mới cũng được chú trọng, huyện chuẩn bị đón nhận thêm một xã đạt chuẩn nông thôn mới, các sản phẩm OCOP cũng được duy trì tại điểm trung bày đây là những sản phẩm tiềm năng của huyện;

- Thương mại dịch vụ: Vượt qua đại dịch các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp cũng phát triển với 46 cơ sở mới được thành lập sử dụng hơn 102 lao động nâng tổng số toàn huyện 393 cơ sở với 1.096 lao động, giá trị CN-TTCN của huyện ước 620 tỷ đồng - đạt 103% kế hoạch, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội ước đạt 5.900 tỷ đồng (tăng 1.400 tỷ so cùng kỳ - đạt 118% so kế hoạch).

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 38.855 triệu đồng - đạt 132,61% so kế hoạch. Hoàn thành 83 công trình đưa vào sử dụng tổng vốn đầu tư 179.656 triệu đồng; Giải ngân đến cuối năm ước đạt trên 99% kế hoạch. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị lập, phê duyệt chủ trương đầu tư đảm bảo kịp thời nhằm tranh thủ được nguồn vốn đầu tư.

- An ninh quốc phòng được giữ vững, công dân nhập ngũ 106 quân đạt 100% kế hoạch, tổ chức đón 60 quân nhân xuất ngũ về địa phương. Trật tự xã hội, phát hiện 33 vụ có dấu hiệu tội phạm (tăng 6 vụ so cùng kỳ), tỷ lệ khám phá đạt 70%. Xử phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông 1.432 trường hợp (so cùng kỳ giảm 4 vụ, giảm 02 người chết và 7 người bị thương). Trong năm trên địa bàn không để xảy ra tình trạng cháy nổ.

Nhìn chung các chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện giao, đa số các chỉ tiêu đều đạt và vượt xa kế hoạch tuy nhiên vấn đề vận động học sinh ra lớp vẫn còn chưa đạt do một số nguyên nhân nhất định. Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ cũng còn một số khó khăn, tình hình sản xuất, thu hoạch, tiêu thụ, vận chuyển nông sản, giá cả một số mặt hàng nông sản giảm, ngược lại vấn đề xăng dầu, vật tư nông nghiệp phục vụ cho sản xuất lại tăng cao triều cường một số khu vực gây ngập úng cục bộ làm giảm năng suất sản xuất lúa một số nơi.

Năng lực quản lý điều hành các Hợp tác xã còn nhiều hạn chế, thiếu chủ động. Chất lượng hoạt động tuy có chuyển biến nhưng vẫn còn chậm; Các trạm bơm mặc dù đã được đầu tư cơ bản nhưng đến nay công tác vận hành hoạt động chưa được đồng bộ có nơi vẫn chưa hoạt động do một số nguyên nhân nhưng nguyên chính do thiếu sự quan tâm của đơn vị quản lý.

Dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng còn tăng cao.

1.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2023:

Ban cơ bản thống nhất với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu đã nêu như nội dung báo cáo; Qua thảo luận, Ban có ý kiến đề nghị UBND huyện cần quan tâm một số nội dung sau:

- Lĩnh vực kinh tế: Tập trung chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện, chú trọng thực hiện liên kết chặt chẽ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với các doanh nghiệp, quan tâm củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các mô hình Tổ hợp tác, Hợp tác xã. Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp trong xây dựng nông thôn mới, duy trì và nâng cao chất lượng đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao....

Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, nhất là trong xây dựng dân dụng; thường xuyên kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo điều kiện thuận lợi để phục vụ tốt cho việc giao thông, vận chuyển hàng hóa nông sản của người dân.

Triển khai đồng bộ các giải pháp trong điều hành ngân sách theo đúng quy định của pháp luật, quản lý chặt chẽ các nguồn thu và khoản chi ngân sách bảo đảm theo đúng dự toán được phê duyệt; thực hành tiết kiệm trong chi ngân sách.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư, chú trọng phát huy vai trò giám sát đầu tư cộng đồng ở các xã, thị trấn, tạo mọi điều kiện để hoạt động giám sát có hiệu quả.

- Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội: Tăng cường quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa, thông tin và truyền thông, chỉ đạo thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết

xây dựng đời sống văn hóa”, quản lý và phát huy hiệu quả phục vụ của các thiết chế văn hóa cơ sở.

Quan tâm thực hiện công tác huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp và nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học năm học 2022-2023.

Kiên toàn mạng lưới y tế khám chữa bệnh nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe khám chữa bệnh cho nhân dân ở các y tế cơ sở. Tăng cường công tác phòng chống các loại dịch bệnh...

Phần đầu 2023 hoàn thành, đạt hoặc vượt các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội đề ra:

1. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 189 triệu đồng/

2. Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản 3.569 tỷ đồng.

3. Diện tích lúa 54.932 ha. Sản lượng lúa bình quân đạt 381.228 tấn/năm (lúa đặc sản, chất lượng cao chiếm trên 91,07%).

4. Diện tích màu và cây công nghiệp ngắn ngày 13.320 ha, sản lượng 213.120 tấn.

5. Tổng đàn gia súc 81.724 con. Đàn heo 64.000 con; Tổng đàn trâu - bò: 17.724 con; đàn gia cầm 2.500.000 con. Sản lượng thủy sản 16.000 tấn.

6. Thành lập mới 01 hợp tác xã, lũy kế 20 hợp tác xã.

7. Phần đầu xã Thạnh Tân đạt chuẩn xã nông thôn mới.

8. Tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sạch ở đô thị 92%; Tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ở nông thôn 100%.

9. Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 630 tỷ đồng (giá so sánh năm 2020).

10. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 6.000 tỷ đồng.

11. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 34 tỷ đồng;

12. Học sinh đầu năm học: mầm non 3.140 trẻ, trong đó: nhà trẻ 280 trẻ, mẫu giáo 2.860 trẻ; Tiểu học 8.130 em, trung học cơ sở 5.547 em, Trung học phổ thông 2.384 em. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến lớp: nhà trẻ 18%, Mẫu giáo 95%; tiểu học 99,5%; trung học cơ sở 98,5%, trung học phổ thông 75%.

13. Phần đầu 01 trường học đạt chuẩn Quốc gia mới (tỷ lệ 97,4% - 38/39 trường).

14. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã là 100%. Tỷ lệ xã có bác sĩ phục vụ là 100%.

15. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

16. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT tế 95,15%; trong đó: Tỷ lệ tham gia BHYT theo hộ gia đình 85,50%; tỷ lệ tham gia BHYT bắt buộc 99,20%.

17. Giải quyết việc làm mới 2.400 người; trong đó: lao động đi làm việc có thời hạn theo hợp đồng lao động ở nước ngoài 20 người; Đào tạo nghề 1.200 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 29%.

18. Giảm tỷ lệ hộ nghèo so tổng số hộ từ 2,5% trở lên, trong đó: hộ Khmer từ 3,5% trở lên.

19. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường 100%.

20. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

21. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề đạt 75%.

22. Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được

trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải 100%.

2. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách năm 2022 và dự toán ngân sách huyện Thạnh trị, phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2023

2.1 Về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách năm 2022

Về phần thu: Qua xem xét Báo cáo 316/BC-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách năm 2022; trên cơ sở những căn cứ pháp lý như Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 các Thông tư hướng dẫn và các quy định thực hiện của cơ quan nhà nước cấp trên, Ban thống nhất với các nội dung nêu trong báo cáo như sau:

Ước thu ngân sách trên địa bàn năm 2022 đạt trên 100% kế hoạch (tính đến 30/11/2022 thu được 38.087.021.000 đồng ước thu năm 2022 là 38.855.021.000 đồng, đạt 132,61% kế hoạch) đây là kết quả tích cực trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 vừa được khống chế và kiểm soát, các đơn vị sản xuất kinh doanh phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng từ đó đời sống nhân dân được ổn định cùng với sự lãnh đạo điều hành của Huyện ủy, Ủy ban, sự phối hợp các ngành, chính quyền địa phương các cấp, các doanh nghiệp và hộ kinh doanh đã góp phần hoàn thành chỉ tiêu chung của toàn huyện.

Về phần chi: Trong việc điều hành chi ngân sách được thực hiện chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, QP-AN trong địa bàn, các nhiệm vụ chi theo dự toán được HĐND huyện giao. Thực hiện một số nhiệm vụ chi được đảm bảo. Công tác giải ngân cấp phát vốn đầu tư XDCB đúng quy định và kịp thời, công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí cũng được triển khai thực hiện nghiêm túc.

Khi có số liệu báo cáo quyết toán năm 2022, Ban tiến hành thẩm tra và thông qua Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

2.2 Dự toán thu – chi ngân sách năm 2023

Căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong năm 2023 là năm thứ ba cũng là năm thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2020-2025; dự toán thu - chi ngân sách thực hiện thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2022-2025 và được xây dựng theo nguyên tắc đảm bảo các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả và cụ thể như sau:

2.2.1 Về thu ngân sách

Dự toán thu ngân sách: 436.360 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 34.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp là: 31.100 triệu đồng (tăng 17,62% so năm 2022); bổ sung từ ngân sách tỉnh: 405.260 triệu đồng.

2.2.2 Về chi ngân sách

Dự toán chi ngân sách: 436.360 triệu đồng, trong đó:

- Chi cân đối ngân sách: 406.370 triệu đồng
 - + Chi XDCB theo phân cấp: 26.131 triệu đồng
 - + Chi thường xuyên: 372.271 triệu đồng
 - + Dự phòng ngân sách: 7.968 triệu đồng.
- Chi bổ sung có mục tiêu của tỉnh: 29.990 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi đầu tư xây dựng từ nguồn xổ số kiến thiết.

Ban thống nhất với nội dung dự toán ngân sách địa phương đồng thời kiến nghị UBND huyện xem xét một số nội dung giải pháp:

Năm 2023 tiếp tục nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách trên toàn huyện, rà soát chặt chẽ các nguồn thu các đối tượng phải chịu nộp thuế kiên quyết không để sót₄

nguồn thu đảm bảo trên tinh thần dân chủ, công bằng, thu đúng, thu đủ, thu kịp thời gắn với nuôi dưỡng nguồn thu không để tình trạng nợ đọng xảy ra, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra thuế kịp thời phát hiện sai sót, dấu hiệu bất thường để có biện pháp xử lý.

Việc giao dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, các đơn vị, các xã, thị trấn phải đảm bảo trên cơ sở tính giao tuân thủ theo đúng Luật Ngân sách nhà nước các Nghị quyết các Quy định của tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước huyện Thạnh trì năm 2023.

Tiếp tục cơ chế tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không tính các khoản chi cho con người và các chế độ).

Nội dung chi đảm bảo theo dự toán đã được HĐND thông qua, các đơn vị sử dụng ngân sách cần chủ động thực hiện nhiệm vụ chi đúng quy định, tập trung các nhiệm vụ trọng tâm hạn chế không phát sinh dự toán được giao.

Đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân theo tiến độ các công trình XD CB, thực hiện chặt chẽ đầy đủ các thủ tục đúng theo quy định hiện hành, xử lý trách nhiệm dự toán và giải ngân không sát thực tế. Quyết toán dự án công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng đúng thời gian quy định

Kho bạc nhà nước tăng cường trách nhiệm trong công tác kiểm soát chi đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, chi đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Về tình hình quản lý, sử dụng, nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2022 và tình hình sử dụng nguồn tiết kiệm chi năm 2022

Qua xem xét nội dung báo cáo số 298/BC-UBND ngày 29/11/2022 và 299/BC-UBND ngày 29/11/2022 của UBND huyện. Ban thống nhất nội dung cũng như nội dung báo cáo về việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2022 do thu được từ việc bổ sung tiết kiệm trong cắt giảm chi thường xuyên từ kinh phí hội nghị, công tác đi lại và các khoản chi thường xuyên khác... trong điều hành ngân sách của UBND huyện, việc sử dụng nguồn dự phòng cần thực hiện đúng thẩm quyền, đúng mục đích trên cơ sở Luật ngân sách nhà nước quy định, số còn lại bổ sung ngân sách huyện.

3.1 Về tình hình quản lý, sử dụng, nguồn dự phòng ngân sách năm 2022

Tổng nguồn thu dự phòng 2022: 7.503.000.000 đồng;

Tổng chi 4.759.463.000 đồng, trong đó:

- Chi hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19: 3.751.500.000 đồng theo QĐ 36/QĐ-UBND ngày 08/01/2022 của UB Tỉnh).

- Chi thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19: 922.963.000 đồng;

- Chi trợ cấp mục tiêu cho xã Thạnh Tân, Thuận Túc, Thạnh Trì thực hiện diễn tập: 85.000.000 đồng.

Tồn: 2.743.537.000 đồng.

3.2. Về tình hình sử dụng nguồn tiết kiệm sử dụng chi năm 2021 chuyển sang năm 2022.

Tổng nguồn tiết kiệm chi năm 2021 chuyển sang 2022: 12.825.417.452 đồng.

Chi: 12.647.487.460 đồng (gồm 14 mục chi theo phụ lục kèm theo báo cáo số 299/BC-UBND ngày 29/11/2022)

Tồn: 177.929.992 đồng.

II. VỀ TỜ TRÌNH VÀ DỰ CÁC THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Về điều chỉnh thu, chi ngân sách huyện năm 2022

Xem xét tờ trình số 1197/ Tr-UBND ngày 06/12/2022 về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Thanh Trì năm 2022 của UBND huyện Thanh Trì. Ban nhận thấy quá trình điều hành thu chi ngân sách trong 06 tháng cuối năm 2022 có phát sinh một số khoản thu, chi ngân sách huyện ngoài dự toán của địa phương được phân bổ theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện (tất cả việc phát sinh đều từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện), Ban thống nhất điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2022 với nội dung sau:

1.1 Điều chỉnh tăng dự toán thu số tiền 52.870.174.169 đồng. Dự toán thu sau khi điều chỉnh là: 569.312.994.359 đồng bao gồm:

- Thu ngân sách huyện trên địa bàn được hưởng theo phân cấp: 26.620.000.000 đồng (*tổng thu ngân sách trên địa bàn 29.300.000.000 đồng*), theo dự toán đầu năm.
- Dự toán đã được bổ sung từ ngân sách cấp trên 462.365.773.770 đồng (*bao gồm tỉnh trợ cấp mục tiêu 52.870.174.169 đồng*).
- Thu chuyển nguồn NS huyện năm 2021 sang năm 2022: 57.149.389.737 đồng
- Thu kết dư ngân sách huyện: 23.177.830.852 đồng

1.2 Điều chỉnh tăng dự toán chi số tiền 52.870.174.169 đồng. Dự toán chi sau khi điều chỉnh là: 569.312.994.359 đồng bao gồm:

- Dự toán chi ngân sách cấp huyện: 486.313.986.070 đồng (*bao gồm tỉnh trợ cấp mục tiêu 23.183.245.169 đồng*)
- Dự toán chi ngân sách cấp xã: 82.999.008.289 đồng (*bao gồm tỉnh trợ cấp mục tiêu 29.686.929.000 đồng*)

2. Về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023

Qua xem xét Tờ trình số 1220/Tr-UBND ngày 12/12/2022 về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023, huyện Thanh Trì. Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng, về Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định năm 2022-2025; Quyết định số 3335/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng. Ban Kinh tế- Xã hội thống nhất với căn cứ, nguyên tắc và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2022 được nêu tại tờ trình số 1220/TTr-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện, việc phân bổ ngân sách được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị quyết của HĐND tỉnh Sóc Trăng Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng như sau:

2.1 Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 huyện Thanh Trì: 436.360 triệu đồng, trong đó:

- 2.1.1 Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 34.000 triệu đồng (ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp: 31.100 triệu đồng), bao gồm:
- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: 11.500 triệu đồng,
 - Lệ phí trước bạ: 9.000 triệu đồng.
 - Thu phí, lệ phí: 2.000 triệu đồng.
 - Thu tiền sử dụng đất: 5.000 triệu đồng,
 - Thuế thu nhập cá nhân: 5.500 triệu đồng.
 - Thu khác: 1.000 triệu đồng.

2.1.2 Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 405.260 triệu đồng, trong đó:

- Thu bổ sung cân đối: 375.270 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 29.990 triệu đồng.

2.2 Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 huyện Thanh Trì: 436.360 triệu đồng, trong đó:

2.2.1 Chi cân đối ngân sách: 406.370 triệu đồng, trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản theo phân cấp: 26.131 triệu đồng;
- Chi thường xuyên: 372.271 triệu đồng. (trong đó số tiết kiệm chi để tạo nguồn cải cách tiền lương: 4.261 triệu đồng)

- Dự phòng ngân sách: 7.968 triệu đồng.

2.2.2 Chi bổ sung có mục tiêu của tỉnh: 29.990 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng từ nguồn từ nguồn xổ số kiến thiết.

(kèm phụ lục theo tờ trình số 1220 /TTr-UBND ngày 12/12/2022)

Để thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2023, Ban đề nghị UBND huyện cần tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi những quy định của pháp luật về thuế nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước.

Thực hiện điều hành, quản lý chi ngân sách theo dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện thông qua, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí...nhất là trong quản lý tài chính, tài sản, đất đai gắn với cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý thu, chi ngân sách; Các đơn vị tăng cường vai trò lãnh đạo, người đứng đầu đơn vị, thường xuyên thực hiện công tác tự kiểm tra về tài chính của đơn vị.

3. Về báo cáo, tờ trình kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023:

Qua xem xét báo cáo số 308/BC-UBND, ngày 06/12/2022 của UBND huyện về tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 và kế hoạch năm 2023 trên địa bàn huyện Thanh Trì, Ban thống nhất với nội dung báo cáo đã nêu, cụ thể như sau:

3.1. Về kết quả thực hiện đầu tư XDCB năm 2022: triển khai thực hiện 83 công trình (trong đó có 04 công trình vốn CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới, 07 công trình vốn CTMTQG PTKTXH Vùng đồng bào dân tộc thiểu số) với tổng nguồn vốn đầu tư là 179.656 triệu đồng, giải ngân 146.098 triệu đồng đạt 81,32% kế hoạch (trong đó vốn phân cấp ngân sách huyện giải ngân 24.291/24.409 triệu đồng đạt 99,52% kế hoạch), dự kiến đến hết niên độ thanh toán, ước tỷ lệ giải ngân đạt 178.093 triệu đồng đạt 99,13% kế hoạch.

Công tác quản lý đầu tư công trên địa bàn huyện luôn được sự quan tâm của UBND tỉnh và các Sở, ngành, sự chỉ đạo kịp thời của Huyện ủy, UBND huyện cùng sự nỗ lực của các ngành, các chủ đầu tư và sự ủng hộ của nhân dân trên địa bàn huyện nên công tác đầu tư xây dựng cơ bản đạt được kết quả. Tuy nhiên vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng: không đồng ý nhận tiền không bàn giao mặt bằng do khiếu nại về giá bồi thường, khung giá đất có sự thay đổi.

Công tác tuyên truyền, vận động ở một số địa phương chưa được thường xuyên, thiếu sự phối hợp đồng bộ.

Công tác phối hợp chưa chặt chẽ, giá một số vật liệu xây dựng biến động tăng, ảnh hưởng giá thành xây dựng.

Một số dự án tình bố trí vốn 2-3 năm, thời điểm giao kế hoạch vốn vào cuối năm nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng đầu tư của cơ quan chuyên môn, đơn vị giám sát, vai trò giám sát đầu tư cộng đồng một số địa phương phát huy chưa cao.

Trong thời gian tới công tác đầu tư XDCCB cần tập trung đầu tư quy mô, hạn chế đầu tư manh mún, dàn trải phân tán, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Kế hoạch vốn đầu tư 2023 xây dựng kế hoạch đầu tư phù hợp quy định pháp luật dựa trên kế hoạch đầu tư trung hạn đã được HĐND thông qua và khả năng cân đối nguồn vốn tránh tình trạng nợ đọng trong đầu tư xây dựng...quyết toán dứt điểm các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo đúng thời gian quy định. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện dấu hiệu sai phạm trong công tác quản lý đầu tư xây dựng.

3.2 Về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2023

Xét tờ trình số 1201/TTr-UBND ngày 06/12/2022 của UBND huyện Thạnh Trị, về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, huyện Thạnh Trị. Ban nhận thấy việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023 sử dụng nguồn vốn phân cấp ngân sách phù hợp với danh mục đầu tư công trung hạn được Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 về bổ sung, điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, với nội dung như sau:

- Kế hoạch vốn đầu tư trên địa bàn huyện năm 2023 dự kiến là 26.131 triệu đồng, xây dựng 18 danh mục dự án, nguồn vốn được bố trí như sau:

+ Vốn cân đối ngân sách địa phương: 23.131 triệu đồng: triển khai khởi công mới 16 dự án.

+ Vốn thu tiền sử dụng đất 3.000 triệu đồng, khởi công mới 02 dự án.

(kèm phụ lục danh mục dự án chi tiết tại tờ trình số 1201/TTr-UBND ngày 06/12/2022)

+ Đối với các dự án sử dụng vốn Trung ương, tính khi được tỉnh giao kế hoạch vốn. UBND huyện căn cứ danh mục từng dự án đã được HĐND thông qua làm cơ sở phân khai giao kế hoạch vốn kịp thời cho chủ đầu tư triển khai thực hiện đồng thời báo cáo HĐND trong kỳ họp gần nhất.

Để công tác đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện tiếp tục đạt hiệu quả cao: việc lựa chọn nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ theo Luật đấu thầu, nhà thầu phải có đủ năng lực kinh nghiệm từng tính chất gói thầu để thực hiện; đồng thời cần phát huy, tranh thủ vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác để triển khai thực hiện các dự án khác trên địa bàn.

4. Báo cáo, tờ trình thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao UBND huyện phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C:

4.1 Qua xem xét báo cáo số 309/BC-UBND ngày 06/12/2022 của UBND huyện về kết quả thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của HĐND huyện: Ban nhận thấy thời gian thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND từ 08/11/2021 đến 30/11/2022 UBND huyện đã chủ động phê duyệt chủ trương đầu tư 41 danh mục dự án với tổng vốn 87.315 triệu đồng, trong đó:

Phê duyệt dự án 2022 là 23 và dự án chuẩn bị đầu tư năm 2023 là 18 dự án.

Việc giao UBND huyện quyết định chủ trương đầu tư sử dụng vốn đầu tư thuộc cấp huyện quản lý đã nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản. Vẫn đảm bảo tính pháp lý trong quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

(kèm phụ lục danh mục dự án chi tiết tại tờ trình số 309/TTr-UBND ngày 06/12/2022)

4.2 Qua xem xét tờ trình số 1200/TTr-UBND ngày 6/12/2022, về việc giao UBND huyện tiếp tục Quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm B,C sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý:

Ban nhận thấy như sau: Qua báo cáo một năm thực hiện việc giao UBND huyện quyết định chủ trương đầu tư sử dụng vốn đầu tư thuộc cấp huyện quản lý đã nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản đồng thời vẫn đảm bảo tính pháp lý trong quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành. Ban thống nhất nội dung tiếp tục giao UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm B, C có nguồn vốn do địa phương quản lý bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên và các nguồn vốn hợp pháp khác trừ những dự án quy định tại Khoản 4 điều 17 Luật đầu tư công năm 2019.

Trong trường hợp phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, UBND huyện cần chú ý danh mục, quy mô, mức vốn đầu tư bố trí cho từng dự án phải dựa trên kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được HĐND huyện thông qua đồng thời tuân thủ theo đúng Luật đầu tư công ngày 13/6/2019 và báo cáo kết quả HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

5. Tờ trình thông qua quy hoạch sử dụng đất đến 2033 huyện Thạnh Trị.

Qua xem xét nội dung tờ trình số 1204/TTr-UBND ngày 06/12/2022 của UBND huyện về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 Ban thống nhất và có một số ý kiến như sau:

5.1 Hiện trạng sử dụng đất đến năm 2020:

Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) Thực hiện theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng và điều chỉnh quy hoạch sử đất đến năm 2020 của huyện Thạnh trị đã được phê duyệt theo quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng:

- Đất nông nghiệp: Là 24.672,05 ha. Kết quả thực hiện đất nông nghiệp có 25.918 ha, cao hơn 1.246,05 ha (*nguyên nhân do nhiều công trình, dự án sử dụng đất nông nghiệp đã đăng ký trong kỳ điều chỉnh quy hoạch nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện như: cụm công nghiệp, trung tâm năng lượng, siêu thị, bên đõ...*) Do đó, diện tích đất nông nghiệp đến năm 2020 vẫn còn cao hơn so với Quy hoạch điều chỉnh.

- Đất phi nông nghiệp: Là 4.075,42 ha. Kết quả thực hiện đất phi nông nghiệp có 2.799,75 ha, thấp hơn 1.275,67 ha so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt (*nguyên nhân do công trình đăng ký trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 352 công trình, dự án nhưng thực tế 164/352 công trình, dự án còn lại 188 công trình, dự án chưa thực hiện nên diện tích đất phi nông nghiệp chưa tăng theo dự kiến*).

- Đất chưa sử dụng: Trên địa bàn huyện hiện không có đất chưa sử dụng.

5.2 Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030:

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 605/UBND-KT ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện các nội dung liên quan đến lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh và Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện;

Căn cứ Công văn số 2425/UBND-KT ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ tạm thời chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Phương án lập quy hoạch sử dụng đất dựa trên định hướng tầm nhìn phát triển kinh tế xã hội đến năm 2050.

Đến năm 2030:

Đất nông nghiệp phát triển theo hướng hàng hóa gắn với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và thông minh gắn với sản xuất chế biến và thị trường tiêu thụ, đất phi nông nghiệp được phân bổ theo địa giới hành chính xã, thị trấn bao gồm đất quốc phòng an ninh, đất cụm công nghiệp đất thương mại dịch vụ....

Đất khu chức năng căn cứ vào phát triển huyện lỵ, thị trấn là những trung tâm hành chính tập trung kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của toàn huyện là đầu mối giao thông vận tải, tiềm năng phát triển kinh tế trên trục tuyến đường Đông Tây và dựa vào Quyết định 1178/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng, phân đầu xây dựng thị trấn Phú Lộc đạt độ thị Loại IV.

Theo đó từng loại đất được quy hoạch kế hoạch sử dụng như sau:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm đến năm 2020		Quy hoạch đề nghị đến năm 2030		
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tính phân bổ theo công văn 2425 ngày 21/10/2022 (ha)	Đề nghị quy hoạch đến năm 2030 (ha)	Cơ cấu (%)
I	LOẠI ĐẤT	28.717,85	100	28.718,00	28.717,85	100
1	Đất nông nghiệp	25.918,10	90,25	25.468,00	25.467,99	88,68
1.1	Đất trồng lúa	23.545,84	81,99	23.157,00	23.157,00	80,64
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	23.545,84	81,99		23.157,00	80,64
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	252,09	0,88	220	220,68	0,77
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.934,08	6,73	1.872,00	1.872,00	6,52
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	186,09	0,65		195,11	0,68
1.5	Đất nông nghiệp khác				23,21	0,08
2	Đất phi nông nghiệp	2.799,75	9,75	3.250,00	3.249,86	11,32
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	3,43	0,01	4	4,44	0,02
2.2	Đất an ninh	3,08	0,01	13	13	0,05
2.3	Đất cụm công nghiệp			75	75	0,26
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	2,24	0,01	24	24	0,08
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,36	0,01	14	14	0,05
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	4,85	0,02	-	2,08	0,01
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1.899,92	6,62	2.114,00	2.122,06	7,39
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Đất giao thông</i>	385,46	1,34	554	561,78	1,96
	<i>Đất thủy lợi</i>	1.384,06	4,82	1.396,00	1.396,00	4,86
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	4,84	0,02	11	11	0,04
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	4,21	0,01	9	9	0,03
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	41,37	0,14	49	49	0,17

	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	4,9	0,02	11	11	0,04
	Đất công trình năng lượng	1,23	-	1	-	0,00
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,54	.-	2	2,87	0,01
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	5,18	0,02	7	7	0,02
	Đất cơ sở tôn giáo	24,05	0,08	24	24,14	0,08
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	42,56	0,15	47	47	0,16
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ và xã hội	0,18	-	-	-0,18	-
	Đất chợ	1,33	-	-	2,09	0,01
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,71	0,01	-	3,51	0,01
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,52	-	-	9,54	0,03
2.10	Đất ở tại nông thôn	340,16	1,18	408	408	1,42
2.11	Đất ở tại đô thị	134,53	0,47	156	156,28	0,54
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	12,63	0,04	13	19,67	0,07
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,74	.-	4	5,7	0,02
2.14	Đất tín ngưỡng	3,99	0,01	-	3,99	0,01
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	384,72	1,34	-	384,72	1,34
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	3,86	0,01	-	3,86	0,01
3	Đất chưa sử dụng					
II	KHU CHỨC NĂNG			29.826,00	31.915,79	
1	Đất khu công nghệ cao				20	
2	Đất khu kinh tế					
3	Đất đô thị			4.479,00	4.479,06	
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)			25.248,00	25.248,00	
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)					
6	Khu du lịch					
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học					
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, khu cụm công nghiệp)			75	75	
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)				417,89	
10	Khu thương mại-dịch vụ			24	24	
11	Khu đô thị - thương mại-dịch vụ				426,78	
12	Khu dân cư nông thôn				808	
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn				417,06	

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã hiệu	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				Xã Thạnh Trị	Xã Tuân Tức	Xã Vĩnh Thành	Xã Thạnh Tân	Xã Vĩnh Lợi	Xã Châu Hưng	Xã Lâm Tân	Xã Lâm Kiết	TT. Phú Lộc	TT. Hưng Lợi
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	450,11	31,21	37,82	33,24	41,47	29,64	28,38	46,06	28,23	140	34,07
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	325,98	16,51	24,09	17,88	22,7	21,6	21	34,84	21,14	117,29	28,93
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	325,98	16,51	24,09	17,88	22,7	21,6	21	34,84	21,14	117,29	28,93
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	31,41	2,75	5,58	2,6	2,75	2,6	2,52	3,31	2,71	6,06	0,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	92,33	11,87	8,16	12,76	16	5,44	4,86	7,91	4,38	16,34	4,61
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,4	0,08	-	-	0,02	-	-	-	-	0,3	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		42,55	3,5	2,5	2,5	2,5	2,5	3,5	3,41	7,9	9,74	4,5
	<i>Trong đó:</i>												
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	32,36	3,5	2,5	2,5	2,5	2,5	3,5	3,41	2,5	4,95	4,5
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	10,19	-	-	-	-	-	-	-	5,4	4,79	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	4,13	0,38	0,7	0,17	0,15	0,01	0,12	0,02	-	1,89	0,69

c) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Xã Thạnh Trị	Xã Tuân Tức	Xã Vĩnh Thành	Xã Thạnh Tân	Xã Vĩnh Lợi	Xã Châu Hưng	Xã Lâm Tân	Xã Lâm Kiết	TT. Phú Lộc	TT. Hưng Lợi	
1	Đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Trong thực hiện lập quy hoạch chuyển đổi quy hoạch sử dụng đất UBND huyện cần quan tâm một số nội dung sau:

- Tuân thủ Luật đất đai 2013 và Luật quy hoạch 2017;
- Trong quá trình thực hiện cần thực hiện tốt theo nội dung công văn số 2425/UBND-KT ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thị xã, thành phố và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 theo Công văn số 2183/UBND-KT ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Tuân thủ thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cần lưu ý các nội dung:
 - + Nhu cầu sử dụng đất cho lĩnh vực các ngành trong năm kế hoạch và bổ sung cho lĩnh vực các ngành đến từng đơn vị hành chính cấp xã;
 - + Xác định diện tích cần chuyển mục đích cần dựa vào nhu cầu sử dụng cho lĩnh vực các ngành đến từng đơn vị hành chính cấp xã;
 - + Đối với các công trình xây dựng cần xác định rõ quy mô địa điểm cụ thể và mục đích yêu cầu sử dụng theo Luật đất đai để có kế hoạch thu hồi đất. Thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất trong thực hiện dự án nhà ở, khu thương mại, dịch vụ sản xuất kinh doanh...
 - + Dự kiến các nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các mục đích chi cho phù hợp việc thu hồi đất; và một số nội dung của điều 35, 36 thông tư 01/2021/TT-BTNMT.
 - + Đảm bảo các nội dung trong việc lập phương án quy hoạch theo đúng trình tự quy định trước khi trình UBND tỉnh thẩm định và phê duyệt.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội, trình Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp thứ 8, khóa XII, xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- TT.UBND huyện;
- TV Ban KT-XH;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN

Trần Hồng Nhung

